TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **199**/2020/DS-ST
Ngày 10 - 11 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường H.

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2020/TLST-DS ngày 15/5/2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2020/QĐXXST-DS ngày 08/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 557/2020/QĐST-DS ngày 23/10/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Hồng Đ, sinh năm 1983 (Tên gọi khác: T).

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H và bà Đỗ Thanh H1 (Tên gọi khác: H Đ).

Cùng địa chỉ: Khóm 9, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2020 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện:

Vào ngày 22/8/2019 ông H và H1 có vay của bà Đ số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, kể từ khi vay cho đến nay chưa có trả vốn, nhưng có trả lãi được 06 tháng. Ngày 09/01/2018 âm lịch ông H và bà H1 mở 01 dây hụi, loại hụi

5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 38 chưng, bà Đ tham gia chơi 01 chưng, kể từ khi khui hụi bà Đ đóng hụi sống được tổng cộng 27 lần (từ lần đóng hụi cụ thể không nhớ), đến ngày 09/3/2020 ông H và bà H1 tuyên bố đình hụi, dây hụi này bà Đ xác định ông H và bà H1 nợ bà Đ135.000.000 đồng (5.000.000 đồng X 27 lần). Ngày 29/9/2019 âm lịch ông H và bà H1 mở 01 dây hụi, loại hụi 3.000.000 đồng, 01 tháng khui 02 lần, hụi gồm có 43 chưng, bà Đ tham gia chơi 02 chưng, kể từ khi khui hụi bà Đđóng hụi sống được tổng cộng 11 lần (từ lần đóng hụi cụ thể không nhớ), đến ngày 09/3/2020 ông H và bà H1 tuyên bố đình hụi, dây hụi này bà Đ xác định ông H và bà H1 nợ bà Đ66.000.000 đồng (3.000.000 đồng X 11 lần X 02 chưng), nhưng bà Đchỉ lấy 45.000.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ vay và nợ hụi bà Đxác định ông H và bà H1 nợ là 230.000.000 đồng. Đến ngày 19/3/2020 giữa bà Đ cùng với ông H, bà H1, bà Nguyễn Thị Đ1 có kết nợ và thỏa thuận bà Đ1 nhận trả cho bà Đ số tiền 120.000.000 đồng, còn lại 110.000.000 đồng ông H và bà H1 có trách nhiệm trả cho bà Đ. Do ông H và bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay và hụi.

Nay bà Đ yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà H1 trả số tiền 110.000.000 đồng cho bà Đ.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H1 giải và 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nH được ý kiến.

- Lời trình bày của bà Đỗ Thanh T1 tại biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2020 có tại hồ sơ, thể hiện: Bà T1 là chị ruột của bà H1, còn ông H là em rễ, bà T1 cùng cháu Trần Thúy V có nhận thay ông H và bà H1 các thông báo của Tòa án và có thông báo lại cho ông H và bà H1 biết, bà T1 có biết ông H và bà H1 nợ bà Đ (T) số tiền vay 50.000.000 đồng và hiện nay chưa trả vốn, còn số tiền hụi thì không biết rõ.

- Lời trình bày của bà Lê Yến X và bà Nguyễn Mỹ N tại biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2020 có tại hồ sơ, thể hiện: Bà X và bà N là những người cùng bà Đ tham gia chơi hụi do ông H và bà H1 mở. Bà X và bà N tham gia chơi dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 29/9/2019 âm lịch và dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 09/01/2018 âm lịch, theo bà X và bà N biết thì các chưng hụi bà Đ tham gia chơi đều còn sống, đến khoảng tháng 3/2020 thì ông H và bà H1 tuyên bố đình hụi, bà X có nghe nói và bà N biết là ông H và bà H1 có nợ tiền hụi của bà Đ, còn nợ số tiền bao nhiêu thì không biết, ngoài ra bà N xác định hụi 3.000.000 đồng khui được 11 lần, hụi 5.000.000 đồng khui được 27 lần và bà Đ có đóng hụi đầy đủ cho ông H và bà H1.

- Lời trình bày của bà Nguyễn Thị Đ1 tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2020 có tại hồ sơ, thể hiện: Bà Đ1 và bà Đ là hụi viên tham gia chơi hụi do ông H và bà H1 mở, quá trình chơi hụi bà Đ1 hốt hụi và phải đóng hụi chết lại cho ông H và bà H1, ngày 19/3/2020 bà Đ1 cùng bà Đ, ông H, bà H1 có thỏa thuận bà Đ1 nhận trả cho bà Đ số tiền 117.000.000 đồng là tiền hụi ông H và bà H1 nợ bà Đ, khi thỏa thuận thì có nghe nói ông H và bà H1 nợ bà Đ tổng số tiền 230.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nH yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 110.000.000 đồng và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nH định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Đ227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay và tiền hụi, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Đ186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ vay và hụi và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi"* là đúng theo quy định tại khoản 3 Đ26, điểm a khoản 1 Đ35, điểm a khoản 1 Đ39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Hội đồng xét xử xét thấy qua làm việc với các người làm chứng bà X và bà N là những người cùng tham gia chơi chung các dây hụi giữa bà Đ với ông H và bà H1 hiện nay có tranh chấp, lời khai của những người này về thời gian khui hụi, loại hụi, số chưng hụi và hụi do ông H và bà H1 mở là hoàn toàn trùng khớp với lời trình bày của bà Đ, ngoài ra những người làm chứng còn xác định các chưng hụi bà Đ tham gia chơi đều còn sống, đến khoảng tháng 3/2020 thì ông H và bà H1 tuyên bố đình hụi, đồng thời có nghe nói và biết là ông H và bà H1 có nợ tiền hụi của bà Đ, như vậy có căn cứ xác định là ông H và bà H1 còn nợ tiền hụi bà Đ chưa thanh toán là đúng. Bà Đ cho rằng ngày 19/3/2020 giữa bà Đvới ông H, bà H1, bà Đ1 có kết nợ bà Đ1 nhận trả cho bà Đ số tiền 120.000.000 đồng, qua làm việc thì bà Đ1 xác định bà Đ1 và bà Đ là hụi viên tham gia chơi hụi do ông H và bà H1 mở, quá trình chơi hụi bà Đ1 hốt hụi và phải có nghĩa vụ đóng hụi chết lại cho ông H, bà H1 và có sự việc đúng như bà Đ trình bày và khi thỏa thuận thì có nghe nói ông H và bà H1 nợ bà Đ tổng số tiền 230.000.000 đồng. Mặt khác, bà T1 là chị ruột của bà H1 xác định có biết việc ông H và bà H1 nợ bà Đ số tiền vay 50.000.000 đồng hiện nay chưa trả vốn và hơn nữa ông H và bà H1 biết được yêu cầu

khởi kiện của bà Đ thông qua bà T1 là chị ruột thông báo lại, nhưng ông H và bà H1 không có ý kiến trực tiếp cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Như vậy, có căn cứ chứng minh ông H và bà H1 còn nợ bà Đ tổng số tiền hụi và tiền vay chưa thanh toán là 110.000.000 đồng, do ông H và bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và nghĩa vụ này phát sinh từ giao dịch do vợ chồng ông H và bà H1 cùng xác lập, nên cần buộc ông H và bà H1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đ là phù hợp.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền là 110.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 15, Điều 18, Điều 21, Điều 23, Điều 25 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ các quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án buộc trả cho nguyên đơn. Đối với nguyên đơn do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 15, Điều 18, Điều 21, Điều 23, Điều 25 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Hồng Đ. Buộc bị đơn Huỳnh Văn H và Đỗ Thanh H1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Trần Hồng Đ số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Đ468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Buộc bị đơn Huỳnh Văn H và Đỗ Thanh H1 phải nộp là 5.500.000 đồng. Nguyên đơn Trần Hồng Đ đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 2.750.000 đồng theo biên lai thu số: 0003684 ngày 15/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nH được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Đ2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đ6, Đ7, Đ9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nH:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải